

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-01-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Ngân

2. Bà Đặng Thị Ngọc Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 388/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8606/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8984/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phù Vĩnh Q, sinh năm 1975, Căn cước công dân số 079175026368, cấp ngày 12/01/2022; địa chỉ: H Tầng trệt, Phó C, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Phước H, sinh năm 1974; Chứng minh nhân dân số B; địa chỉ: A C, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2023, các bản khai đề ngày 15/11/2023 và ngày 03/01/2024, bà Phù Vĩnh Q là nguyên đơn trình bày:**

Bà và ông Trịnh Phước H tự nguyện kết hôn năm 2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01/2000 ngày 14 tháng 12 năm 2000.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, lối sống, cách nuôi dạy con cái... hai bên không tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm vợ chồng dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà quyết định ra sống riêng và sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm giữa hai bên không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trịnh Phước H.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông H có 03 con chung là trẻ Trịnh Ngọc M, sinh ngày 10/3/2/2003, trẻ Trịnh Ngọc Minh P, sinh ngày 25/12/2004 và trẻ Trịnh Khải T sinh ngày 08/11/2009.

Đối với trẻ Trịnh Ngọc M và Trịnh Ngọc Minh P đã trưởng thành, các con tự lo được cuộc sống cá nhân của mình, bà và ông H vẫn chu cấp cho các con học hành, chăm sóc các con.

Đối với trẻ Trịnh Khải T hiện đang học lớp 9 Trường Trung học cơ sở M1, Quận A; hiện tại con ở cùng ông H các ngày trong tuần, ở với bà các ngày cuối tuần, nguyện vọng của con cũng muốn ở với cha mẹ như vậy khi ba mẹ ly hôn. Do con còn nhỏ, đang ở độ tuổi tâm lý chưa ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con khi ly hôn, bà và ông H tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là ông Trịnh Phước H đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà Q được ly hôn với ông H; về

con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Bà Phù Vĩnh Q và ông Trịnh Phước H kết hôn năm 2000, tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01/2000, cấp ngày 14/12/2000 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, nay trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà Phù Vĩnh Q có đơn yêu cầu ly hôn ông Trịnh Phước H, ông H cư trú tại Quận A, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trịnh Phước H đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bà Q có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, xét thấy việc xét xử vắng mặt ông H, bà Q là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về pháp luật nội dung:

[3] Về hôn nhân: Bà Phù Vĩnh Q và ông Trịnh Phước H tự nguyện kết hôn, quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng sống không hòa hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc. Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên hòa giải, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng ông H vắng mặt nhiều lần không có lý do, nhận thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của bà Q xin được ly hôn với ông H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình” *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là trẻ Trịnh Ngọc M, sinh ngày 10/3/2003 (Đã trưởng thành), trẻ Trịnh Ngọc Minh P, sinh ngày 25/12/2004 (Đã trưởng thành) và trẻ Trịnh Khải T sinh ngày 08/11/2009.

Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: “ *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*”

Xét, việc bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, việc nuôi con do hai bên tự thỏa thuận là có căn cứ vì để đảm bảo việc học, không làm xáo trộn sinh hoạt, cuộc sống hiện tại của con và phù hợp với ý kiến về nguyện vọng của trẻ Trịnh Khải T, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Phù Vĩnh Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng .

Ông Trịnh Phước H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Bà Phù Vĩnh Q được ly hôn ông Trịnh Phước H.

- Về con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phù Vĩnh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044161 ngày 11/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phù Vĩnh Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Phù Vĩnh Q và ông Trịnh Phước H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Quận 1;
- UBND Phường 11, Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phụng